

Biên Hòa, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Số: 1699/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2262/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/8/2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

+ Ông Vũ Duy A, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Số 45, khu phố 8, phường P, thành phố B, tỉnh Đ

+ Bà Nguyễn Thị Hà L, sinh năm 1987

Thường trú: Số 45, khu phố 8, phường P, thành phố B, tỉnh Đ;

Địa chỉ liên hệ: Số 168, ấp Thái Hòa, xã N, huyện T, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hà L và ông Vũ Duy A tự nguyện ký kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, đã sống ly thân từ năm 2017 tới nay, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Nay cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn. Do vậy bà L và ông A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Vũ Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/6/2013. Chị Nguyễn Thị Hà L và anh Vũ Duy A thỏa thuận giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng,

anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh A được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Hà L và anh Vũ Duy A phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003798 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hà L, sinh năm 1987 và anh Vũ Duy A, sinh năm 1985 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Vũ Duy A và chị Nguyễn Thị Hà L giao 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Vũ Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/6/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh A được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Hà L và anh Vũ Duy A phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003798 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu